

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2023/HS - ST

Ngày 13 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Tiệp.

2. Ông Trần Thành Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- D diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 176/2023/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227A/2023/QĐ - HPT ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn D** – Sinh năm 1997. Nơi cư trú: Bản T, xã L, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lường Văn K (đã chết) và bà Lường Thị T1; Bị cáo đã ly hôn vợ và có 01 con (sinh năm 2020); Tiền án: Ngày 20/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B, xử phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 08/2016/HS - ST. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ 19/5/2023 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Lường Văn C, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Bản T, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lò Văn Q, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản T, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Trần Văn Y, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản T2, xã C2, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Vũ Minh D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản X, xã L1, huyện T4, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ một ngày cuối tháng 3/2023 (D không nhớ chính xác ngày), sau khi đi chơi ở trong bản T, xã L về qua nhà Lương Văn C (cậu họ của D), D quan sát thấy cổng khoá nhưng cửa nhà chỉ khép hờ nên đã nảy sinh ý định đi vào trong nhà để trộm cắp tài sản. D quan sát thấy một chỗ ở bờ rào có thể đi vào nên D đã đi qua bờ rào rồi vào trong nhà, khi vào trong nhà D nhìn thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 26B2 – 262.68 đang dựng ở phòng khách trong nhà, quan sát xung quanh D thấy một chiếc chìa khoá ở trên bàn nên đã lấy để mở ổ khoá điện thì mở được. D dắt xe ra cửa rồi đi theo lối bờ rào ra ngoài, sau đó D điều khiển xe mô tô đến quán của anh Lò Văn Q để đổi lấy chiếc xe mô tô của D đã cầm cố trước đó. Khi D điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến quán thì D nói với Q là xe của em trai nhưng em trai đang đi làm thuê và muốn lấy chiếc xe để đổi lấy chiếc xe mô tô của D đã cầm cố trước đó, Q đồng ý, nói với D chiếc xe này được 7.000.000 đồng và tính cả tiền lãi và tiền cầm cố xe trước đó thì Q sẽ đưa lại cho D 1.500.000 đồng là xong, nghe vậy thì D đồng ý, Q đưa cho D số tiền 1.500.000 đồng và chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 26C1 – 275.05, D nhận tiền và xe rồi đi về nhà.

Ngày 15/5/2023 thì Q đã bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26B2 – 262.68 cho anh Trần Văn Y, ở bản T2, xã C2 với số tiền 8.000.000 đồng; đến ngày 17/5/2023 anh Cảnh đã bán chiếc xe mô tô này cho anh Vũ Minh D, ở bản X, xã L1, huyện T4 với số tiền 9.000.000 đồng. Ngày 21/5/2023 sau khi được triệu tập đến làm việc anh D thừa nhận về việc đã mua lại chiếc xe, đồng thời giao nộp chiếc xe mô tô cho cơ quan điều tra.

Lương Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 26C1 – 275.05 của D. Cơ quan CSĐT đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, ra Quyết định tạm giữ và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lương Văn D vào ngày 19/5/2023.

Tại bản kết luận giám định số 17/KL ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sông Mã, kết luận: *“01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ - đen - bạc, BKS: 26B2 – 262.68 số khung: 3900HY349260, số máy JA39E0348984, đã qua sử dụng; Trị giá 12.000.0000 đồng”*.

Kết quả xác định, khám nghiệm hiện trường vụ trộm cắp tài sản lập hồi 08 giờ ngày 21/5/2023: xác định hiện trường xảy ra vụ án là nhà ở của anh Lương Văn C ở bản T, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 127/CT-VKSSM ngày 02 tháng 8 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lương Văn D về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo như sau: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm 08 tháng - 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lò Văn Q số tiền là 8.500.000 đồng nhưng chấp nhận việc bị cáo và anh Q thỏa thuận bị cáo dùng chiếc xe có BKS 26C1 – 275.05 trả cho anh Q giá trị bằng 8.500.000đ; Buộc anh Lò Văn Q phải trả cho anh Trần Văn Y số tiền là 8.000.000 đồng.

Chấp nhận việc anh Lương Văn C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, chấp nhận việc anh Vũ Minh D và anh Trần Văn Y đã tự nguyện thỏa thuận trả tiền cho xong.

- Về vật chứng: Chiếc xe có BKS 26C1- 275.05 là tài sản của bị cáo được sử dụng để bị cáo đổi với chiếc xe trộm cắp được, tại phiên tòa bị cáo và anh Q đã có thỏa thuận bị cáo dùng chiếc xe này bồi thường cho anh Q và anh Q nhất trí, nên cần trao trả lại chiếc xe này cho anh Q.

- Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo, anh Lò Văn Q; tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có văn bản trình bày ý kiến như sau: người bị hại đã nhận lại xe nên không có ý kiến, đề nghị gì thêm về bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Minh D đã được anh Trần Văn Y trả xong số tiền là 9.000.000đ nên cũng không có ý kiến và đề nghị gì.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với nội dung bản cáo trạng truy tố, lời luận tội của D diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, D diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

- Biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 21/5/2023;
- Kết luận định giá tài sản số 17/KL ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sông Mã;
- Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lời khai nhận tội của bị cáo về thời gian địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các chứng khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố bị cáo Lương Văn D về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lương Văn D là đối tượng lười lao động và nghiện ma túy để có tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân và mua ma túy về sử dụng, vào cuối tháng 3 năm 2023 đã lén lút, bí mật chiếm đoạt một chiếc xe mô tô có BKS 26B2 - 262.68 của anh Lương Văn C đem đi để thay thế cho chiếc xe của bị cáo trước đã đem đi làm tin để vay tiền với anh Q trước đó và được hưởng lợi thêm 1.500.000 đồng.

Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt là “*phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có 01 tiền án cũng về tội xâm hại sở hữu chưa được xóa án tích lại phạm tội mới thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bản thân bị cáo đã từng bị kết án một lần về tội xâm phạm sở hữu sau khi chấp hành án phạt tù xong chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm

tội cùng loại, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương cho thấy tính khó giáo dục cải tạo của bị cáo, nhận thức được lỗi lầm, có ý thức tuân theo pháp luật và cũng đảm bảo được biện pháp răn đe, phòng ngừa chung, gìn giữ trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn không có tài sản riêng gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 chiếc xe mô tô có BKS 26C1- 275.05 là tài sản thuộc sở hữu riêng hợp pháp của bị cáo, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn Q đã tự nguyện thỏa thuận xác định trị giá là 8.500.000đ và bị cáo dùng chiếc xe này để bồi thường cho anh Q. Nên HĐXX chấp nhận và trả lại chiếc xe này cho anh Q.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn Q đã tự nguyện thỏa thuận: bị cáo dùng chiếc xe mô tô có BKS 26C1- 275.05 để bồi thường cho anh Q thay cho nghĩa vụ bồi thường bằng tiền do anh Q đã yêu cầu là 8.500.000đ. Anh Trần Văn Y yêu cầu anh Lò Văn Q phải hoàn trả số tiền là 8.000.000đ, yêu cầu này là có cơ sở và giữa anh Q với anh Cảnh đã tự nguyện thỏa thuận anh Q sẽ hoàn trả cho anh Cảnh số tiền là 8.000.000đ. Xét các thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên cần chấp nhận.

Anh Vũ Minh D là người đã mua lại chiếc xe có biển kiểm soát 26B2 – 262.68 từ anh Cảnh với số tiền là 9.000.000đ, sau đó anh D đã giao nộp xe cho CQCSĐT và được anh Cảnh hoàn trả lại số tiền là 9.000.000đ, anh D không có đề nghị gì nữa, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về vấn đề khác có liên quan:

Đối với Lò Văn Q: quá trình điều tra, đã tiến hành đối chất nhưng Q không thừa nhận việc cầm cố xe cho D, chỉ thừa nhận cho D vay tiền, do đó ngoài lời khai của bị cáo D không có căn cứ chứng minh anh Q nhận cầm cố chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 26C1 – 275.05 của D với số tiền 3.500.000 đồng, sau đó D đã điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 26B2 – 262.68 đến để thanh toán, đổi lấy chiếc xe mô tô của D nên không có căn cứ để xử lý đối với Lò Văn Q. Ngoài ra, Lò Văn Q cho D vay tiền và nhận chiếc xe mô tô để làm tin, nhưng không hứa hẹn từ trước, không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 26B2 – 262.68 mà D đổi lại là tài sản trộm cắp mà có nên không đồng phạm với hành vi của D và không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Văn Y và Vũ Minh D là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 26B2 – 262.68, nhưng giữa anh Cảnh và anh D với Lương Minh D không quen biết nhau, đồng thời không hứa hẹn trước, việc mua bán xe đều diễn ra ban ngày, bản thân Cảnh và D đều không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Ngày 21/5/2023 anh D đã giao nộp chiếc xe mô tô cho Cơ quan CSĐT để phục vụ quá trình điều tra nên không đồng phạm với hành vi của bị can và không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS. Ngày 12/7/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã trao trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp anh Lương Văn C là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo và anh Lò Văn Q là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lương Văn D 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Trả lại chiếc xe có biển kiểm soát 26C1 – 275.05 cho anh Lò Văn Q.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 108/QĐ – VKS ngày 24/7/2023 của VKSND huyện Sông Mã và theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2023 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và anh Lò Văn Q: Bị cáo dùng chiếc xe có BKS 26C1 – 275.05 để bồi thường thay cho yêu cầu bồi thường 8.500.000đ của anh Q đối với bị cáo. Xác định bị cáo đã bồi thường xong khi anh Q được nhận chiếc xe có BKS 26C1 – 275.05.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận Lò Văn Q sẽ hoàn trả cho anh Trần Văn Y số tiền là 8.000.000đ.

Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường của người bị hại.

Chấp nhận anh Vũ Minh D và anh Trần Văn Y đã tự nguyện thỏa thuận hoàn trả xong số tiền mua xe là 9.000.000đ.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn D.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lò Văn Q.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/9/2023); Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung

